

Số: /KH-UBND

Gia Bình, ngày 26 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH
Hành động giai đoạn 2021 - 2025 của Huyện Gia Bình
Về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Thực hiện Kế hoạch số 510/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Ninh thực hiện chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

UBND huyện Gia Bình xây dựng Kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 của huyện về việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Công tác Dân số trong tình hình mới;

- Kết luận số 199-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số - KHHGD;

- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 1472/QĐ-BYT ngày 20/4/2016 của Bộ Y tế ban hành Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025;

- Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện Nghị quyết lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025”;

- Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh, Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; dân số vừa là yếu tố thúc đẩy, vừa là thành quả của phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý, giải quyết các vấn đề của người lao động di cư; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần; đảm bảo phát triển con người một cách toàn diện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

Mục tiêu 1:

- Quy mô dân số khoảng 120.000 người.
- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại.
- Thực hiện các hoạt động về công tác dân số để góp phần:
 - + Đạt mức sinh thay thế trên địa bàn huyện và duy trì mức sinh bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con.
 - + Giảm 2/4 số vị thành niên, thanh niên (10-24 tuổi) mang thai ngoài ý muốn.

Mục tiêu 2:

Thực hiện các hoạt động về công tác dân số để góp phần đưa tỷ số giới tính khi sinh của toàn huyện đạt dưới 115 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn đạt 60%.

- 80% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

-80% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

+ Nâng tuổi thọ bình quân đạt 73,5 tuổi.

+ Chiều cao 18 tuổi đối với nam đạt 165 cm, nữ đạt 156 cm.

Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt 10%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Mục tiêu 5: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện phát triển kinh tế-xã hội

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn huyện.

- 80% ngành, lĩnh vực địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, ... hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...) hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

Mục tiêu 7: Thích ứng già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- 20% số xã, thị trấn đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- 60% người cao tuổi trực tiếp kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất chuyên giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030:

Mục tiêu 1:

- Quy mô dân số khoảng 130.000 người.

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại.

- Thực hiện các hoạt động về công tác dân số để góp phần:

+ Đạt mức sinh thay thế trên địa bàn huyện và duy trì mức sinh bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con.

+ Giảm 3/4 số vị thành niên, thanh niên (10-24 tuổi) mang thai ngoài ý muốn.

Mục tiêu 2:

Thực hiện các hoạt động về công tác dân số để góp phần đưa tỷ số giới tính khi sinh của toàn tỉnh đạt dưới 110 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng.

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 80%.

- 90% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

- 85% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Thực hiện các hoạt động về công tác dân số để góp phần

+ Nâng tuổi thọ bình quân toàn huyện đạt 75 tuổi trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 60 năm.

+ Chiều cao 18 tuổi đối với nam đạt 168 cm, nữ đạt 157 cm.

Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tỷ lệ dân số đô thị đạt 15%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Mục tiêu 5: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện phát triển kinh tế-xã hội

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn huyện.

- 90% ngành, lĩnh vực địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm;

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...) hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

Mục tiêu 7: Thích ứng già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- 40% số xã, thị trấn đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- 70% NCT trực tiếp kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị tổ chức tốt việc triển khai, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết

số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện Nghị quyết lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đến các cơ quan, địa phương, tổ chức và tầng lớp nhân dân gắn với quán triệt và thực hiện nghiêm túc Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các cấp, các ngành về dân số và phát triển nhằm thống nhất về nhận thức và đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số, đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành.

- Lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Tăng cường phối hợp liên ngành; phát huy vai trò, huy động sự tham gia tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về dân số.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

- Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, thực hiện hoạt động truyền thông sâu rộng, theo các chuyên đề trọng điểm, phát huy vai trò của đội ngũ công tác viên Dân số nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục các chính sách, chủ trương về công tác dân số trong tình hình mới, nội dung tuyên truyền tập trung vào chính sách dân số và phát triển.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, giãn khoảng cách giữa 2 lần sinh, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Ngăn ngừa tư tưởng tâm lý không hạn chế số con. Tập trung vận động sinh ít con ở địa phương, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những địa phương đã đạt mức sinh thay thế, sinh đủ 2 con ở

những nơi có mức sinh thấp, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt, bình đẳng giữa con gái và con trai, ngăn ngừa lựa chọn giới tính thai nhi, bạo lực giới, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, đảm bảo bình đẳng giới, phát huy vai trò của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; chú trọng truyền thông về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi và khuyến khích người phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, tạo chuyển biến rõ nét ở những địa phương có tỷ số giới tính khi sinh cao.

- Tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh;

- Truyền thông vận động, tạo phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Chú trọng nêu gương những cá nhân, gia đình điển hình.

2.1. Cung cấp thông tin cho lãnh đạo

Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về Dân số, SKSS/KHHGD, đặc biệt là chính sách, pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về dân số, giới tính khi sinh, sức khỏe sinh sản tới các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng.

2.2. Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng

Kết hợp tốt truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên của các ngành, đoàn thể; nâng cao chất lượng, số lượng các chương trình, tin, bài về Dân số, SKSS/KHHGD,

sức khỏe tình dục và bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên truyền hình; tăng cường tuyên truyền trên trang thông tin điện tử, Zalo, Facebook, Youtube,... truyền thông đa phương tiện.

2.3. Nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp

Triển khai đa dạng, có hiệu quả các hoạt động truyền thông về Dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp đặc điểm của từng nhóm đối tượng. Tập trung nâng cao chất lượng dân số, KHHGD để thực hiện gia đình (2 con), bình đẳng giữa con gái và con trai, ngăn ngừa lựa chọn giới tính thai nhi, bạo lực giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, trẻ sơ sinh, người cao tuổi, bình đẳng giới và vai trò của nam giới trong chăm sóc SKSS.

Tập trung truyền thông với nhóm vị thành niên và thanh niên, truyền thông tập trung vào sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng chống HIV/AIDS; mất cân bằng giới tính khi sinh; tư vấn và chăm sóc người cao tuổi.

Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên y tế - Dân số thôn, khu phố, cộng tác viên, tuyên truyền viên của các ngành, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội nhằm tạo sự thay đổi hành vi bền vững về Dân số, SKSS/KHHGD.

2.4. Mở rộng các dịch vụ tư vấn với nội dung, hình thức phong phú

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục về dân số/SKSS/sức khỏe tình dục, dân số và phát triển, giới và giáo dục giới tính, bổ sung thêm kiến thức và kỹ năng sống liên quan đến giới tính, tình dục an toàn, bình đẳng giới vào nội dung giảng dạy phù hợp với các cấp học.

Tăng cường truyền thông qua các hình thức giáo dục kết hợp với giải trí, tham vấn, tự học và sinh hoạt ngoại khoá, huy động sự tham gia tự nguyện của vị thành niên và thanh niên. Các hình thức giáo dục phải phù hợp với lứa tuổi, các phạm trù đạo đức, thuần phong mỹ tục, văn hóa Việt Nam.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, đoàn thể, các tổ chức xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động về giáo dục Dân số/SKSS, phòng ngừa HIV/AIDS, bình đẳng giới cho nhóm vị thành niên, thanh niên trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là nhóm lao động di cư trẻ, lao động tự do, công nhân trong các khu công nghiệp, công nhân lao động ở các khu nhà trọ thông qua các phương pháp tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2.5. Cung cấp sản phẩm, tài liệu truyền thông

Cung cấp các sản phẩm truyền thông đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với phong tục tập quán, văn hoá, tôn giáo địa phương (panô, áp phích, tờ rơi, tờ gấp, sách nhỏ, USB,...) phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3. Thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

- Thực hiện các chính sách về dân số gắn với xây dựng gia đình văn hoá; bảo đảm hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của người dân; ngăn ngừa có hiệu quả việc lựa chọn giới tính thai nhi; đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hoá.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược dân số trong tình hình mới, nhằm phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh công tác bình đẳng giới.

- Thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe và phát huy vai trò người cao tuổi ở cộng đồng; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế-xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- Thực hiện các chính sách về tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản, được đảm bảo chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, từng bước nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác Dân số và phát triển. Tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về Dân số, SKSS/KHHGD, đặc biệt là kiểm tra các tổ chức và cá nhân vi phạm qui định của pháp luật liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về Dân số

4.1. Dịch vụ Dân số

- Duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho cán bộ dân số; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho các cán bộ cung cấp dịch vụ Dân số và chăm sóc SKSS. Tăng cường giám sát, kiểm

traviệc thực hiện các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tổ chức thực hiện tốt việc cung cấp các phương tiện tránh thai. Đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ Dân số và chăm sóc SKSS thiết yếu ở tất cả các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở, đáp ứng nhu cầu được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại của mọi nhóm đối tượng, nhất là vị thành niên, thanh niên. Kiện toàn và nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ Dân số và chăm sóc SKSS dựa vào cộng đồng của đội ngũ cộng tác viên y tế - dân số thôn.

- Đẩy mạnh tiếp thị xã hội, xã hội hóa các phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGD/SKSS có chất lượng cho người dân nhằm đảm bảo sự công bằng xã hội, tính bền vững của chương trình dân số, ưu tiên cung cấp miễn phí, trợ giá phương tiện tránh thai cho người nghèo, cận nghèo và một số đối tượng đặc thù.

- Tiếp tục củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số: Hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số. Cung cấp thông tin, số liệu dân số đáp ứng nhu cầu sử dụng của mọi cơ quan, tổ chức trong toàn xã hội, phục vụ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Nâng cao chất lượng dân số

4.2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí các cấp, nâng cao nhận thức cho những người làm công tác truyền thông. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nói chuyện chuyên đề, cung cấp kiến thức sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm thay đổi nhận thức, hành vi của người dân, cộng đồng, xã hội về bình đẳng giới, vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái; chung tay giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; tăng cường thực thi pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi đến các đối tượng tại cộng đồng, địa bàn cư trú thông qua mạng lưới cộng tác viên y tế - dân số thôn, khu phố và tuyên truyền viên của các ngành đoàn thể ở cơ sở. Tổ chức tuyên truyền, tư vấn trực tiếp cho nam/nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn, người cung cấp dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi.

- Lòng ghép các nội dung truyền thông về mất cân bằng giới tính khi sinh vào các hoạt động văn hóa xã hội khác.

- Đưa nội dung về mất cân bằng giới tính khi sinh vào chương trình giảng dạy, các buổi sinh hoạt ngoại khóa của trường trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tổ chức các điểm tuyên truyền, góc sinh hoạt, câu lạc bộ về giới và bình đẳng giới.

- Tổ chức cho các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ có liên quan cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi và tham gia tuyên truyền về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định của pháp luật về nghiêm cấm việc cung cấp dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính tại các cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh xuất bản phẩm.

- Đào tạo tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Tập huấn về các quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi cho nhân viên y tế các cơ sở cung cấp dịch vụ liên quan đến chẩn đoán giới tính thai nhi, cán bộ quản lý và cung cấp dịch vụ siêu âm và phá thai công lập và tư nhân.

4.2.2. Hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh (sàng lọc trước sinh và sơ sinh)

- Phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh và hỗ trợ sinh sản; tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho cán bộ dân số; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; tổ chức các hội nghị chuyên đề về sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai, phụ nữ có nguy cơ cao. Thúc đẩy phát triển các dịch vụ tầm soát trước sinh cho các bà mẹ mang thai 04 loại bệnh tật bẩm sinh: Hội chứng Down, Hội chứng Edwards, Hội chứng Patau, Bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia và dịch vụ tầm soát sơ sinh đối với 05 bệnh bẩm sinh: Thiếu men G6PD, suy giáp trạng bẩm sinh, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, dị tật tim bẩm sinh. Tăng cường xã hội hoá; kết hợp giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế trong và ngoài công lập nhằm cung cấp đa dạng các hình thức dịch vụ có chất lượng.

4.2.3. Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân

- Phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân. Tiếp tục duy trì mô hình “Tư vấn và khám sức khỏe tiền

hôn nhân”. Nâng cao nhận thức, kỹ năng tư vấn cho vị thành niên/thanh niên (VTN/TN) về CSSKSS/KHHGD, cung cấp, nâng cao hiệu quả và tăng cường sự tiếp cận dịch vụ SKSS cho VTN/TN nhằm cải thiện bền vững chất lượng dân số.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động và giáo dục về SKSS/KHHGD với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; phân phối các tài liệu truyền thông về SKSS VTN/TN; tư vấn sức khỏe cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn...Tuyên truyền, vận động thông qua các kênh truyền thông thích hợp tại các điểm triển khai.

- Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục về Dân số - phát triển, SKSS/sức khỏe tình dục, giới và giáo dục giới tính, kiến thức và kỹ năng sống, bình đẳng giới trong các trường học.

4.2.4. Tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT) dựa vào cộng đồng

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền Luật Người cao tuổi và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với NCT để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, gia đình, cộng đồng xã hội và bản thân NCT trong các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò NCT.

- Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng tư vấn và chăm sóc sức khỏe NCT. Tăng tỷ lệ NCT được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng.

- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật của hệ thống dịch vụ y tế, các điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT tại xã hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích hoạt động khám, chữa bệnh miễn phí cho NCT.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho NCT dựa vào cộng đồng.

- Lồng ghép việc chăm sóc sức khỏe NCT vào các chương trình phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm các bệnh liên quan NCT; chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng tác viên tình nguyện làm công việc tư vấn, chăm sóc NCT.

5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác Dân số

- Bảo đảm đủ mức đầu tư từ ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số đến năm 2030. Đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới. Ưu tiên bố trí ngân sách cho công tác dân số nhằm nâng cao

chất lượng dân số. Ưu tiên đầu tư cho các xã đông dân có mức sinh, tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ sinh con thứ 3 cao.

- Thực hiện lồng ghép các hoạt động về dân số trong các hoạt động của ngành, các tổ chức chính trị xã hội, hoạt động của các đoàn thể. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác Dân số và SKSS/KHHGD. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo

- Thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả theo chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, đồng thời với quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cộng tác viên Dân số - Y tế thôn.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số các cấp đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn.

- Thực hiện việc phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Thực hiện lồng ghép các chương trình, đề án, dự án liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021-2030.

2. Các chương trình Đề án thực hiện Chiến lược/Kế hoạch

- Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát Mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Kế hoạch thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.

- Kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản đến năm 2030.

- Đảm bảo hậu cần phương tiện tránh thai.

- Hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh.

- Mô hình: Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

- Hoạt động nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng thông tin cơ sở dữ liệu.

3. Nhiệm vụ của các Cơ quan, ban, ngành, đoàn thể

3.1. Phòng Y tế huyện

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu giúp UBND huyện xây dựng kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 của huyện thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện của các đơn vị, địa phương; Tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện và Sở Y tế theo quy định.

3.2. Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu của Kế hoạch hành động công tác dân số và phát triển 02 giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030, đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông về công tác dân số trong tình hình mới, triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và người cao tuổi. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số và phát triển trong nhân dân.

- Tham mưu giúp UBND huyện giao chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm về công tác dân số cho UBND các xã, thị trấn.

3.3. Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đưa các mục tiêu về dân số và phát triển vào Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm và hướng dẫn các địa phương đưa các mục tiêu về dân số

và phát triển vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; lồng ghép các nguồn lực của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với Chương trình dân số và phát triển.

- Hằng năm, căn cứ vào các chế độ, chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát các hoạt động của kế hoạch theo nhiệm vụ chi của địa phương, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện, theo quy định về phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

3.4. Phòng Nội vụ huyện

Đưa tiêu chí thực hiện tốt công tác dân số và phát triển là một căn cứ để bình xét thi đua khen thưởng trong hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng của huyện.

3.5. Phòng Tư pháp huyện

Theo dõi công tác phổ biến giáo dục pháp luật, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực dân số và phát triển. Tăng cường công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, đăng ký khai sinh, quản lý dân cư, đăng ký kết hôn...

3.6. Phòng Văn hóa - Thông tin huyện

Phối hợp với Trung tâm Y tế tuyên truyền phổ biến những chủ trương chính sách về dân số và phát triển. Hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước về chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung chính sách dân số và phát triển là một tiêu chí đánh giá khu dân cư, đơn vị và gia đình văn hoá. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật về gia đình, phát triển gia đình Việt Nam.

3.7. Trung tâm VH, TT và truyền thông huyện

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm y tế huyện, các đơn vị liên quan tăng thời lượng, nâng cao chất lượng các chương trình tuyên truyền về công tác dân số và phát triển, đưa công tác dân số là một trong những nội dung thường xuyên, liên tục được truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh xã, thị trấn nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội về dân số và phát triển.

3.8. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

Chủ trì và phối hợp với Trung tâm y tế, các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung giáo dục về Dân số, giới, giới tính, bình đẳng giới cho học sinh; bồi dưỡng cho giáo viên trong trường học về giới, giới tính, Dân số, SKSS/KHHGD,

bình đẳng giới.... xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, dịch vụ tư vấn và CSSKSS cho học sinh trong các cơ sở giáo dục ở các lứa tuổi, cấp học phù hợp; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về Dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

3.9. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện.

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới; phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện thực hiện các chính sách về đào tạo nghề, tạo việc làm nhằm sử dụng phù hợp lực lượng lao động; thực hiện chính sách cải thiện phúc lợi phù hợp cho người cao tuổi theo quy định.

3.10. Đề nghị Ủy ban MTTQVN huyện và các tổ chức thành viên

Phối hợp với các ngành, các cấp tăng cường các hoạt động truyền truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển. Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và phát triển; xây dựng quy chế, quy định của tổ chức nhằm thực hiện tốt công tác dân số và phát triển. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số trong tình hình mới trong hệ thống của mình; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, công nhân và nhân dân thực hiện tốt chính sách pháp luật về dân số.

3.11. Trung tâm GDNN-GDTX, các trường THPT, THCS trên địa bàn huyện.

Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung giáo dục về Dân số, giới, giới tính, bình đẳng giới cho học sinh; bồi dưỡng cho giáo viên trong trường học về giới, giới tính, Dân số, SKSS/KHHGD, bình đẳng giới.... xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, dịch vụ tư vấn và CSSKSS cho học sinh, trong các cơ sở giáo dục phù hợp.

3.12. UBND các xã, thị trấn.

- Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về kết quả thực hiện công tác dân số và phát triển của địa phương. Căn cứ Kế hoạch của huyện, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, đưa các mục tiêu dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện công

tác dân số và phát triển trên địa bàn; khen thưởng và biểu dương kịp thời những tập thể và cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số; đôn đốc, theo dõi, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo UBND huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trên đây là Kế hoạch Hành động giai đoạn 2021-2025 của huyện Gia Bình về việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn phản ánh về Phòng Y tế huyện để tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, các Phó CVP, lưu: VT, YT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Tài